

Số: 07/2018/QĐST-DS

Hải An, ngày 10 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 24/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N (sau đây viết là Ngân hàng); địa chỉ: Số 02 đường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Phạm Công S, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N- Chi nhánh quận H Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/5/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án và Giấy ủy quyền số 296/GUQ- NHNoHA ngày 02/7/ 2018).

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn M và bà Đỗ Thị V; cùng cư trú tại: Số 60, tổ 8, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ gốc, lãi:

Tính đến hết ngày 31/8/2018, ông Phạm Văn M và bà Đỗ Thị V còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi, cụ thể như sau:

* Đối với Hợp đồng tín dụng số 2114LAV201600209 ngày 30/3/2016:

- Nợ gốc là: 1.363.000.000đ (*một tỷ ba trăm sáu mươi ba triệu đồng*);
- Nợ lãi: 436.222.332đ (*bốn trăm ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn ba trăm ba mươi hai đồng*), trong đó lãi trong hạn là 426.932.332 đồng, lãi quá hạn: 9.290.000 đồng.

* Đối với Hợp đồng tín dụng số 2114LAV201600208 ngày 30/3/2016:

- Nợ gốc là: 600.000.000đ (*sáu trăm triệu đồng*);
- Nợ lãi: 199.937.500đ (*một trăm chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*), trong đó lãi trong hạn là 63.875.000 đồng, lãi quá hạn: 136.062.500 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là: 2.599.159.832đ (*hai tỷ năm trăm chín mươi chín triệu một trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm ba mươi hai đồng*).

Ông M và bà V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2114LAV201600209 ngày 30/3/2016 và Hợp đồng tín dụng số 2114LAV201600208 ngày 30/3/2016, kể từ ngày 01/9/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Về thời hạn, phương thức thanh toán:

- Ông M và bà V phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) vào ngày 25/9/2018.

- Chậm nhất vào ngày 31/10/2018, ông M và bà V phải thanh toán số tiền còn lại là 2.549.159.832đ (*hai tỷ năm trăm bốn mươi chín triệu một trăm năm mươi chín nghìn tám trăm ba mươi hai đồng*) và tiền lãi phát sinh (lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2114LAV201600209 ngày 30/3/2016 và Hợp đồng tín dụng số 2114LAV201600208 ngày 30/3/2016) kể từ ngày 01/9/2018 đến ngày ông Phạm Văn M và bà Đỗ Thị V thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

2.3. Về quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp ông Phạm Văn M và bà Đỗ Thị V không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo thời hạn và phương thức nêu trên, Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ cho Ngân hàng:

Quyền sử dụng 63m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ: Tổ dân phố số 8, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD165273, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH01638 do Ủy ban nhân dân quận Hải An, Hải Phòng cấp ngày 24/02/2011 cho ông Phạm Văn M và bà Đỗ Thị V (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 211400181-20160330 ngày 30/3/2016, giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng N- Chi nhánh quận H, Hải Phòng với bên thế chấp là ông Phạm Văn M và bà Đỗ Thị V).

2.4. Về án phí:

- Ông Phạm Văn M và bà Đỗ Thị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 41.991.598đ (*bốn mươi một triệu chín trăm chín mươi một nghìn năm trăm chín mươi tám đồng*).

- Trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.946.000đ (*bốn mươi một triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, Hải Phòng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016406 ngày 11/7/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bích Thủy